

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ LIÊN NGÂN HÀNG VIỆT NAM

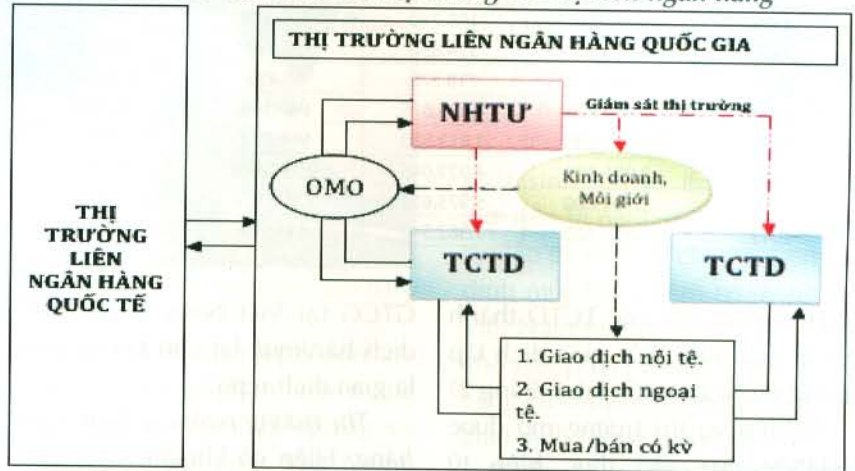
PGS., TS. Lê Hoàng Nga *
Ngô Hoài Bắc **

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng Việt Nam được phân chia thành bốn thị trường bộ phận, bao gồm: Thị trường cho vay, gửi tiền giữa các tổ chức tín dụng (TCTD); thị trường mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá (GTCC) giữa NHNN với các TCTD; thị trường mua, bán có kỳ hạn GTCC giữa các tổ chức tín dụng; thị trường ngoại tệ liên ngân hàng. Các hoạt động thị trường liên ngân hàng (TTLNH) có đóng góp không nhỏ trong giai đoạn 2007 - 2011, chưa có một sự cố thanh khoản ngân hàng nào nghiêm trọng cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Thực tế qua các biến động lãi suất trong thời gian vừa qua cho thấy, độ nhạy cảm của nền kinh tế đối với lãi suất đã tăng lên rất nhiều. (Sơ đồ 1)

1. Thực tế hoạt động của các thị trường bộ phận

- *Thị trường cho vay, gửi tiền giữa các TCTD:* gồm có Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và trên 110 tổ chức tín dụng tham gia (hiện chưa có sự tham gia của tổ chức tài chính vi mô); trong đó NHTM chiếm trên 90%. Các TCTD thường xác định hạn mức tín dụng cho đối tác dựa trên mức độ tín nhiệm, quy mô hoạt động,... Các giao dịch vay, nhận gửi tiền trong phạm vi hạn mức không phải thế chấp, ngoài phạm vi hạn mức thường phải có thế chấp bằng GTCC hoặc ký quỹ (hoặc gửi) số tiền tương ứng bằng

Sơ đồ 1: Cấu trúc của thị trường tiền tệ liên ngân hàng



Bảng 1: Doanh số giao dịch cho vay, gửi tiền 2007 - 2011

Đơn vị: tỷ đồng

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	06 tháng đầu năm 2012
Tháng 1	169.206	704.515	206.238	309.998	501.055	595.551
Tháng 2	110.723	213.592	254.617	227.825	377.518	750.905
Tháng 3	165.494	229.016	281.914	355.343	528.917	801.364
Tháng 4	168.926	187.790	220.437	349.317	470.084	584.383
Tháng 5	219.273	294.601	273.194	352.963	402.512	533.952
Tháng 6	187.412	198.507	281.084	453.386	565.677	542.538
Tháng 7	221.773	251.903	299.774	438.846	636.743	-
Tháng 8	505.835	210.349	258.254	428.347	540.926	-
Tháng 9	161.215	216.304	293.222	377.245	477.253	-
Tháng 10	196.093	252.525	314.020	525.645	702.269	-
Tháng 11	225.783	219.810	362.983	549.923	740.965	-
Tháng 12	297.976	318.621	493.130	667.627	952.487	-
Tổng	2.629.709	3.297.533	3.538.867	5.036.465	6.896.406	3.808.693
BQ/tháng	219.142	274.794	294.906	419.705	574.701	634.782

(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước)

VND hoặc ngoại tệ. Các TCTD ký hợp đồng tiền gửi/cho vay từng lần. Thời hạn cho vay, gửi tiền phổ biến là dưới 3 tháng, chủ yếu là dưới 1 tháng (trên 80% so với doanh số giao dịch; doanh số giao dịch qua đêm khoảng 40% - 50% tổng doanh số giao dịch toàn thị trường). Hình thức giao dịch chủ yếu là gửi tiền (khoảng 80% - 90% trong tổng doanh số giao

dịch hàng tháng của các TCTD) và mang tính mùa vụ cao, đặc biệt là vào các dịp cuối năm. (Bảng 1)

- *Thị trường mua, bán có kỳ hạn GTCC giữa NHNN với các TCTD (OMO) thực hiện trên thị trường sơ cấp* (khi NHNN phát hành tín phiếu NHNN qua thị trường mở) và thị trường thứ cấp (khi NHNN mua, bán lại các tín phiếu NHNN, tín phiếu Kho bạc và các loại

* Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

** NHNN

Bảng 2: Số lượng thành viên tham gia NVTTM 2007-2011

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Số lượng thành viên	21	34	37	50	60	56

(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước)

Bảng 2.3: Khối lượng giao dịch NVTTM từ 2007-2011

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Khối lượng dự kiến	Khối lượng đăng ký hợp lệ	Khối lượng trúng thầu	
			Mua	Bán
2005	134.710	195.740	100.679	1.800
2006	142.550	324.850	36.833	89.102
2007	2.006.100	718.578	60.495	356.844
2008	1.359.823	4.030.675	947.206	88.860
2009	1.113.000	3.613.330	966.811	100
2010	2.905.300	4.039.045	2.101.420	7.295
2011	2.992.000	5.973.652	2.800.872	0
2012	1.087.000	1.382.540	449.923	173.944

(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước)

GTCC khác với các TCTD thành viên) qua hình thức giao dịch tập trung do NHNN tổ chức. (Bảng 2)

Nghiệp vụ thị trường mở được NHNN đưa vào thực hiện từ 7/2000 qua hình thức giao dịch tập trung do NHNN tổ chức; từ năm 2007 đến nay được NHNN thực hiện qua phần mềm giao dịch AFD. Quy trình thanh toán được rút ngắn, từ năm 2002 đến nay thanh toán ngay trong ngày giao dịch. (Bảng 2.3)

- Thị trường mua, bán có kỳ hạn GTCC giữa các tổ chức tín dụng:

Từ năm 2004, các giao dịch trên thị trường này thực hiện theo phương thức tự thỏa thuận hoặc trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo phương thức khớp lệnh. Tại HNX, giao dịch repo trái phiếu được tách bạch với giao dịch mua bán hẳn (outright). Các GTCC được lưu ký chủ yếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD). Các TCTD khi tham gia giao dịch repo đều có tài khoản lưu ký trực tiếp tại VSD hoặc tại một công ty chứng khoán là thành viên lưu ký của VSD. Tuy nhiên, chuyên gia ADB khảo sát vào tháng 4/2009 cho rằng phần lớn các giao dịch mua, bán có kỳ hạn

GTCC tại Việt Nam là các giao dịch bán/mua lại chứ không phải là giao dịch repo.

- Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng: Hiện có khoảng 65 TCTD là thành viên thị trường, thực hiện giao dịch qua trang giao dịch điện tử do Reuters cung cấp. Tuy nhiên, Reuters không cung cấp thông tin giao dịch của khách hàng cho NHNN do yêu cầu bảo mật đối với khách hàng.

Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng

Lãi suất bình quân cho vay, gửi tiền liên ngân hàng được xác định hàng ngày trên cơ sở lãi suất giao dịch thực tế của các TCTD, phản ánh cung, cầu vốn trên thị trường. Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng Việt Nam qua các năm 2007 - 2011 cho thấy một số xu hướng, đặc điểm như:

Thứ nhất, lãi suất ngắn hạn (như các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần) có biên độ dao động lớn hơn so với lãi suất dài hạn (như 6 tháng) chứng tỏ các giao dịch cho vay, gửi tiền ở các kỳ hạn ngắn chủ yếu đáp ứng nhu cầu thanh khoản của các ngân hàng.

Thứ hai, lãi suất liên ngân hàng thể hiện tính mùa vụ của thị trường liên ngân hàng Việt Nam

vào những tháng cuối năm, giáp Tết nguyên đán.

Thứ ba, có sự gia tăng trong mặt bằng lãi suất giao dịch trên thị trường cho vay gửi tiền liên ngân hàng qua các năm.

Thứ tư, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng trong các năm thuộc giai đoạn 2007 - 2011 nhìn chung tương đối ổn định, không có sự biến động quá lớn giữa các tháng trong năm. (Đồ thị 1)

Thứ năm, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng Việt Nam chịu sự ảnh hưởng, tác động khá nhạy bén từ các thay đổi, mục tiêu CSTT của NHNN.

Hệ thống thông tin trên thị trường liên ngân hàng

Các thông tin về TTLNH mà NHNN có được thông qua: 1/ Hệ thống phần mềm giao dịch điện tử do NHNN cung cấp; 2/ Do các thành viên thị trường báo cáo theo 2 cơ chế thu thập thông tin về thị trường liên ngân hàng (Thông tư số 21/2011/TT-NHNN về hệ thống báo cáo thống kê mới); 3/ Thông tin chiết xuất qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (Thông tư 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012); 4/ Các thông tin về giao dịch mua, bán ngoại tệ liên ngân hàng đang được NHNN xúc tiến qua "Đề án thu thập, chiết xuất thông tin giao dịch ngoại hối trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng" từ hệ thống giao dịch Reuters; 5/ Các thông tin từ các hãng Thomson Reuters, Bloombergs...; 6/ Thông tin lãi suất chào cho vay, gửi tiền liên ngân hàng (VNIBOR) do Thomsons Reuters công bố và được công bố trên Bloomberg.

Hệ thống công nghệ của thị trường liên ngân hàng

Việc thỏa thuận giao dịch cho vay, gửi tiền và mua, bán GTCC



Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của thị trường tiền tệ liên ngân hàng

giữa các TCTD được thực hiện chủ yếu qua điện thoại, một số trường hợp qua hệ thống giao dịch thuê bao của Hãng Thomson Reuters (giao dịch phi tập trung), sau đó, xác nhận qua SWIFT (đối với giao dịch qua mạng Thomson Reuters) hoặc xác nhận bằng FAX có mã khoá (đối với các giao dịch qua điện thoại). Các giao dịch ngoại hối giữa TCTD với nhau được thực hiện qua mạng Reuters (giao dịch tập trung). Ngoài ra, các giao dịch mua, bán có kỳ hạn GTCC giữa các TCTD hiện nay được thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội bằng các thỏa thuận điện tử hoặc thông thường.

Hiện nay, việc thanh toán giao dịch liên ngân hàng có thể được thực hiện qua một số phương thức như: thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng do NHNN tổ chức; hoặc thanh toán song phương, đa phương (một số TCTD có thỏa thuận thanh toán bù trừ lẫn nhau) qua các kênh như VCB money (chủ yếu cho các giao dịch ngoại tệ), BIDV (là ngân hàng thanh toán trong các giao dịch GTCC qua HNX); hoặc thanh toán bù trừ thủ công qua NHNN

chi nhánh tỉnh, thành phố (đối với một số TCTD cổ phần hoặc mạng lưới Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam). Ngoài ra, các giao dịch NVTM giữa NHNN với các TCTD hiện nay đã được nối mạng qua phần mềm do NHNN cung cấp (sàn giao dịch tập trung).

Những tồn tại và nguyên nhân

Một là, TTLNH Việt Nam còn phát triển ở trình độ thấp so với khu vực và thế giới, bị phân khúc, manh mún, chia nhóm. Các giao dịch trên TTLNH, nhất là giao dịch repo chưa thực sự sôi động; việc theo dõi, xử lý thông tin TTLNH còn nhiều bất cập, ảnh hưởng không nhỏ đến thực hiện chức năng giám sát TTLNH và điều hành CSTT của NHNN. Bên cạnh đó, hoạt động của TTLNH Việt Nam mang tính chuyên nghiệp chưa cao. Các TCTD tham gia thị trường chủ yếu nhằm mục đích bảo đảm tính thanh khoản, chưa quan tâm nhiều đến nhu cầu kinh doanh sinh lời trên thị trường vì thế chưa đảm bảo vai trò là người tạo lập thị trường. Quy tắc ứng xử trên TTLNH chưa được ban hành.

Hai là, hệ thống môi giới tiền tệ chưa hình thành, mặc dù đã ban hành Quyết định số 351/2004/QĐ-NHNN ngày 07/4/2004 về môi giới tiền tệ (Thực tế có một công ty môi giới tiền tệ Singapore đến Việt Nam tìm hiểu về khả năng cho phép công ty này vào hoạt động tại Việt Nam, NHTM Cổ phần Tiên phong được cấp phép hoạt động môi giới tiền tệ tại Việt Nam nhưng cũng không phát sinh bất kỳ hoạt động môi giới tiền tệ nào); thiếu những nhà tạo lập thị trường; chưa có công ty định mức tín nhiệm có uy tín tại Việt Nam nên chưa tạo điều kiện cho việc phát triển và sử dụng các công cụ chuyển nhượng trong các giao dịch trên TTLNH.

Ba là, chưa có hệ thống giao dịch tập trung/hệ thống thông tin tập trung giữa các thị trường bộ phận của TTLNH/nhà môi giới tiền tệ chuyên nghiệp.

Bốn là, chưa có quy định toàn diện cho thị trường repo.

Năm là, công bố thông tin về thị trường liên ngân hàng còn nhiều bất cập.

Sáu là, hạn chế về công cụ tài chính trên TTLNH.

Bảy là, về chính sách lãi suất: hiện nay, NHNN đang quy định và công bố lãi suất trần cho vay liên ngân hàng. Thực tế, lãi suất qua đêm có thể cao hơn nhiều so với lãi suất cơ bản, đặc biệt khi thị trường kém thanh khoản, có thể cản trở việc xây dựng một đường cong lãi suất chuẩn đáng tin cậy cho trái phiếu chính phủ.

2. Giải pháp phát triển thị trường tiền tệ liên ngân hàng Việt Nam

a- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của thị trường tiền tệ liên ngân hàng

- Tiến tới áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế trong

hoạt động ngân hàng, đặc biệt là chuẩn mực về kế toán, kiểm toán, thanh toán quốc gia và các chuẩn mực về thanh tra, giám sát ngân hàng; xây dựng khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh và phù hợp với luật lệ quốc tế để tạo sân chơi bình đẳng cho các ngân hàng trên lãnh thổ Việt Nam cùng phát triển và cạnh tranh lành mạnh...

- Sớm ban hành và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để mở rộng áp dụng các công cụ (chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu thương mại) trên thị trường; tiếp tục chuẩn hoá để tạo điều kiện cho các công cụ hiện có trên thị trường được giao dịch trên thị trường thứ cấp;

- Rà soát lại khuôn khổ pháp lý và điều tiết hiện hành đối với hoạt động cho vay, gửi tiền trên TTLNH.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý an toàn hoạt động ngân hàng về cấu trúc và giới hạn nguồn, sử dụng nguồn vốn hoạt động của TCTD theo hướng tăng cường quản trị rủi ro hơn là áp dụng biện pháp hành chính.

- Xem xét áp dụng Quy tắc ứng xử trên thị trường tiền tệ trên cơ sở tham khảo Bộ Quy tắc ứng xử trên thị trường tiền tệ và ngoại hối Hồng Kông, Mỹ,..., bao gồm: 1/ Các chuẩn mực đạo đức: nguyên tắc bảo mật; tin đồn, thông tin sai lệch và các hành vi lừa đảo, quà tặng và/hoặc hình thức giải trí khác; 2/ Các nguyên tắc giao dịch: báo giá rõ ràng, thận trọng; thực hiện giao dịch; ngày giá trị; giờ giao dịch; đặt và nhận lệnh giao dịch; ghi âm điện thoại khi giao dịch; giao dịch sau giờ làm việc/giao dịch ngoài trụ sở; 3/ Các nguyên tắc quản lý rủi ro: chính sách quản lý rủi ro bằng văn bản, phòng ban chịu trách

nhiệm xây dựng báo cáo; phân chia chức năng giữa các bộ phận giao dịch, back office, thanh toán, quản lý rủi ro; các phương pháp xác định mức độ và giảm thiểu rủi ro; theo dõi và báo cáo rủi ro; bộ phận kiểm toán độc lập; kế hoạch kinh doanh dự phòng cho tình huống khẩn cấp; 4/ Quy trình ở phòng nghiệp vụ.

- Phát triển lãi suất liên ngân hàng: NHNN cần xác định/coi lãi suất liên ngân hàng (ví dụ mức lãi suất qua đêm) là lãi suất mục tiêu và thiết lập một hành lang lãi suất biến động cho lãi suất liên ngân hàng. Hành lang này có thể được tạo thành bởi việc cung cấp quỹ cho vay và quỹ tiền gửi, với giới hạn trên (lãi suất trần - là lãi suất của quỹ cho vay) và giới hạn dưới (lãi suất sàn - là lãi suất của quỹ tiền gửi) của hành lang. (Đồ thị 2)

b- Phát triển thị trường repo

1/ NHNN cần phối hợp với Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan thành lập nhóm công tác liên Bộ để triển khai các công việc cần thiết để phát triển thị trường repo, xây dựng một kế hoạch phát triển thị trường repo; 2/ NHNN cần rà soát khuôn khổ pháp lý và điều tiết hiện hành cho hoạt động repo. Thời gian đầu, các quy định về thế chấp, các tổ chức, định chế được

phép tham gia hoạt động repo nên tương đối chặt, dần dần sẽ nới lỏng hơn khi có kinh nghiệm và tự tin hơn; 3/ Bộ Tài chính cần xem xét lại các quy định về thuế, hạch toán kế toán, phí giao dịch,... để tạo điều kiện và hỗ trợ cho các giao dịch repo; 4/ cần xây dựng và áp dụng thống nhất một Hợp đồng repo chuẩn (MRA) cho giao dịch mua lại GTCC của đối với tất cả thành viên TTTT trên TTTT.

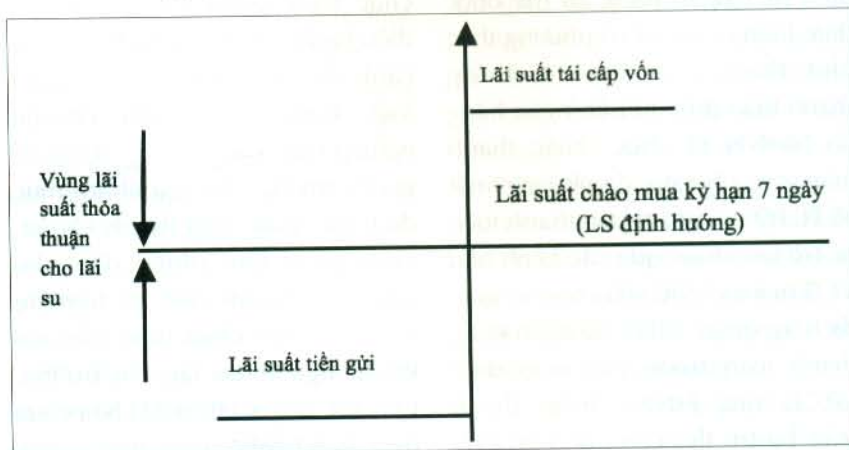
c- Nâng cao vai trò quản lý, điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với thị trường liên ngân hàng

1/ Tăng cường sự phối kết hợp giữa các đơn vị tại ngân hàng theo hướng: (1) chuyển nhiệm vụ ban hành cơ chế chính sách liên quan đến TTLNH sang Vụ Chính sách tiền tệ; (2) chuyển nhiệm vụ theo dõi số liệu, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động TTLNH sang Sở Giao dịch NHNN.

2/ Tăng cường và cải thiện cách thức điều hành TTLNH của NHNN:

- Tiếp tục hoàn thiện NVTTM, từng bước hình thành lãi suất định hướng, chuyển dần sang điều tiết lãi suất và chuẩn bị các điều kiện cần thiết chuyển sang điều hành CSTT theo khuôn khổ lạm phát mục tiêu.

Cơ chế điều hành lãi suất trong thời gian tới





- Giảm dần các công cụ mang tính chất hành chính; chuyển sang sử dụng một cách linh hoạt các công cụ thị trường (dự trữ bắt buộc, OMO...).

d- Thúc đẩy sự hình thành và phát triển của hệ thống các nhà môi giới tiền tệ, các nhà giao dịch sơ cấp (primary dealers) và khuyến khích sự phát triển của các tổ chức chuyên nghiệp trên thị trường (Sơ đồ 2)

Trong giai đoạn đầu, các TCTD ở Việt Nam cung ứng dịch vụ môi giới tiền tệ theo Quy chế môi giới tiền tệ hiện hành. Sau đó thành lập công ty môi giới tiền tệ, giữ cổ phần chủ yếu sẽ là các ngân hàng lớn như Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam...

1/ Một số điều kiện cần có đối với một công ty hoạt động môi giới tiền tệ là: có cơ cấu công ty rõ ràng, minh bạch; có vốn điều lệ do NHNN quy định, đáp ứng yêu cầu về văn phòng, thông tin liên lạc, trang thiết bị máy tính,...; cổ đông là những người/tổ chức có vị trí cao, danh tiếng và uy tín tốt, có hoạt động tích cực trên thị trường tiền tệ; có đội ngũ quản lý và nhân viên có trình độ, chuyên nghiệp; có cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu của hoạt động môi giới; có quy trình hoạt động và kiểm soát rủi ro, kiểm toán nội bộ đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Các công ty môi giới tiền tệ này có thể được cung ứng dịch vụ môi giới một số nghiệp vụ như giao dịch tiền tệ (cho vay, gửi tiền,...); giao dịch thị trường nợ (mua, bán GTCC dài hạn như trái phiếu,...); giao dịch ngoại hối (giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi,...). Tuy nhiên, nên khuyến khích các công ty này hoạt

Sơ đồ 2: Hoạt động môi giới tiền tệ



động trước hết đối với các nghiệp vụ trên TTLNH như cho vay, gửi tiền, mua bán có kỳ hạn GTCC để nhằm thúc đẩy phát triển thị trường liên ngân hàng trước, từ đó tạo sức lan tỏa và đòn bẩy cho các nghiệp vụ khác của TTTT.

2/ Phối hợp với Bộ Tài chính phát triển các nhà giao dịch sơ cấp. Có thể hình thành khoảng 10 - 15 các nhà giao dịch sơ cấp là các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo Luật các TCTD, đảm bảo các tiêu chí do NHNN quy định. Các nhà giao dịch sơ cấp vừa là PDs trên thị trường đấu thầu trái phiếu Chính phủ vừa là PDs trên TTLNH.

3/ Phối hợp với Bộ Tài chính thành lập các công ty xếp hạng tín nhiệm để giúp cho việc định giá giấy tờ có giá được chính xác và hạn chế rủi ro hoạt động của các thành viên thị trường.

e- Hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo, thông tin thị trường

- Tăng cường sự phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin giữa các Bộ, ngành, nhất là với Tổng cục Thống kê để phục vụ công tác phân tích, dự báo tiền tệ, dự báo lạm phát.

- Đầu tư trang thiết bị, hệ thống phần mềm để phục vụ cho việc thu thập thông tin, phân tích, xử lý các dữ liệu với nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước và

các nguồn vốn tài trợ, vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế như WB, IMF, ADB,...

f- Tăng cường và đổi mới hoạt động giám sát thị trường liên ngân hàng

- Từng bước chuyển dần sang việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn trong hoạt động của TCTD trên TTLNH, áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. NHNN hình thành nên bộ quy tắc ứng xử trên thị trường liên ngân hàng và thực hiện giám sát thị trường dựa trên bộ quy tắc ứng xử.

- Việc xử lý các vi phạm của các thành viên thị trường cần được thực hiện một cách công bằng, nghiêm minh, công khai nhằm tăng tính răn đe đối với thị trường, góp phần hạn chế/loại trừ những hành vi gian lận, sai trái trên thị trường, hướng tới một thị trường liên ngân hàng phát triển lành mạnh, bền vững. Việc xử phạt nên là phạt tiền, rút bớt hoạt động nghiệp vụ, thu hồi/đình chỉ giấy phép; đình chỉ/ngừng mở chi nhánh, phòng giao dịch; hạ xếp hạng,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. PGS., TS. Lê Hoàng Nga (2004), "Thị trường tiền tệ Việt Nam trong quá trình hội nhập", Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Báo cáo thường niên các năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, Hà Nội.
3. Quốc hội (2010), Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010.
4. Quốc hội (2010), Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam 2010.